

Số: /2025/QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình
xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất
trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số Tờ trình số 06/TTr-SNN&MT ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Văn bản số 1156/SNNMT-QLXDCT ngày 28 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 112/2024/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan Nhà nước được giao quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

b) Tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc sử dụng đất trồng lúa.

Điều 2. Diện tích, vị trí, mục đích sử dụng, yêu cầu về công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa

Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa phải đảm bảo đầy đủ các quy định tại Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; trong đó:

1. Khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình phải tập trung, có diện tích tối thiểu từ 50 ha theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định 112/2024/NĐ-CP.

2. Tổng diện tích đất xây dựng: Tỷ lệ diện tích công trình xây dựng tối đa không quá 0,1% tổng diện tích khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình nhưng không vượt quá 500 m².

3. Vị trí xây dựng công trình: Được xây dựng tại 1 (một) hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa nhưng không vượt quá tổng diện tích xây dựng quy định tại khoản 2 Điều này; đồng thời đảm bảo quy định tại tiểu mục 2.16.7 mục 2.16 Yêu cầu về quy hoạch xây dựng nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và pháp luật khác có liên quan.

4. Mục đích sử dụng: Phục vụ từ 1 (một) trong các mục đích được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

5. Yêu cầu về xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa:

a) Thửa đất, khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó còn thời hạn sử dụng đất) hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

b) Khi tháo dỡ, di chuyển công trình không làm mất đi điều kiện cần thiết để trở lại sử dụng đất vào mục đích đất trồng lúa.

c) Việc bồi thường, hỗ trợ khi tháo dỡ công trình xây dựng (trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định hoặc cho đến khi thửa đất nông nghiệp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất) hoặc khi hết thời gian công trình tồn tại theo quy định được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện.

d) Việc chấp thuận xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Tổng hợp, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa không đúng quy định theo thẩm quyền.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa vi phạm pháp luật thuộc địa bàn quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân, người sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn quản lý.

b) Thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ theo dõi việc sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa thuộc địa bàn quản lý theo đúng quyết định này.

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa vi phạm pháp luật thuộc địa bàn quản lý.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (để b/cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để b/cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, NNMT.

(MC49.04.25)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang